TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12-7-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Từ Anh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1984; thường trú: Số C khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; địa chỉ liên hệ: Hẻm A Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đ, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T, sinh năm 1992; thường trú: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/5/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Ngô Văn T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh B cấp ngày 28/02/2023. Thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, sau này cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về tiền bạc, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù tôi đã nhiều lần cố gắng bỏ qua hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị Ngọc B xác định giữa chị B với anh Ngô Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung và nợ chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn T: Quá trình tố tụng, bị đơn anh Ngô Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Ngô Văn T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/6/2024; tham gia phiên tòa vào các ngày 25/6/2024 và 12/7/2024 nhưng anh Ngô Văn T vắng mặt không lý do. Đồng thời, anh T cũng không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Ngày 04/6/2024 Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Ngô Văn T tại Công an phường T, thành phố D, tỉnh B và được cung cấp như sau: Quá trình chung sống, giữa anh Ngô Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc B có mâu thuẫn gì không thì chính quyền địa phương không rõ vì chị B không trình báo. Tuy nhiên, anh T hiện là người nghiện ma tuý công an đang quản lý.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Ngô Văn T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt hai lần liên tiếp không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Ngô Văn T là vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 ngày 28/02/2023 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị B xác định sau một thời gian sống chung thì cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn gia đình nghiêm trọng dẫn tới rạn nứt không thể hàn gắn được. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về tiền bạc, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Chị B đã nhiều lần tạo cho anh T cơ hội để thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Nay chị B xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc chị B xác định quan hệ hôn nhân của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, chị B đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi, không thể hàn gắn tình cảm và hiện cả hai đều không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Bản thân anh T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không có mặt và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai bên đều không muốn hàn gắn tình cảm. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị B là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị B xác định giữa chị với anh T không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí ly hôn theo quy định của của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc B về việc tranh chấp ly hôn đối với bị đơn anh Ngô Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được ly hôn với anh Ngô Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh B cấp ngày 28/02/2023).

- Về con chung: Đương sự xác định không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ hết vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002937 ngày 10/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Tân Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Mai